

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 23
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng 565 là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3262/QĐ-BQP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 25.03.000136 lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2007 và 04 lần thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 8 năm 2010 là 29.593.140.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn Chủ tịch

Ông Lê Đức Thắng Ủy viên

Ông Mai Ngọc Kiên Ủy viên

Ông Trịnh Văn Hải Ủy viên

Ông Phạm Ngọc Toàn Ủy viên

Ông Trịnh Văn Tấn Ủy viên

Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2010

Miễn nhiệm từ ngày 01/5/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2010
Ông Lê Đức Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2010
Ông Mai Ngọc Kiên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2010
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Giám đốc	
Ông Đặng Văn Doan	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Hải	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hòa Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Mạnh Toàn

Số : 28.../2011/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Xây dựng 565***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 được lập ngày 02 tháng 3 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Giám đốc****Bùi Ngọc Vương**

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên**Bùi Ngọc Hà**

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Headquarters29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn**Branch in Hanoi**706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.693.594.943	246.219.041.903
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.697.365.303	3.848.618.345
1.	Tiền	111	V.01	13.697.365.303	3.848.618.345
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.034.532.857	124.650.448.704
1.	Phải thu khách hàng	131		116.437.013.178	116.074.207.030
2.	Trả trước cho người bán	132		10.523.607.858	4.460.375.681
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	5.888.569.065	5.930.523.237
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.814.657.244)	(1.814.657.244)
IV.	Hàng tồn kho	140		123.786.380.469	115.184.753.091
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	123.786.380.469	115.184.753.091
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.175.316.314	2.535.221.763
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.851.495.384	1.716.336.419
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.323.820.930	818.885.344

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.749.732.036	38.341.038.935
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		35.218.135.886	37.724.387.401
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	35.218.135.886	37.724.387.401
	- Nguyên giá	222		101.185.119.094	95.122.726.377
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.966.983.208)	(57.398.338.976)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		531.596.150	616.651.534
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	531.596.150	616.651.534
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		307.443.326.979	284.560.080.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		268.731.925.759	251.387.400.011
I.	Nợ ngắn hạn	310		254.446.639.379	230.857.823.946
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.06	113.732.229.210	106.279.093.640
2.	Phải trả người bán	312		44.997.859.055	49.155.680.896
3.	Người mua trả tiền trước	313		65.164.898.371	41.958.741.332
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	9.518.033.074	10.929.517.684
5.	Phải trả người lao động	315		3.259.760.798	5.559.188.334
6.	Chi phí phải trả	316	V.08	70.877.350	305.799.621
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	16.318.548.815	15.228.298.733
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.384.432.706	1.441.503.706
II.	Nợ dài hạn	330		14.285.286.380	20.529.576.065
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.10	14.285.286.380	20.529.576.065
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.711.401.220	33.172.680.827
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	38.711.401.220	33.172.680.827
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.593.140.000	25.406.440.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.904.100.863	2.144.563.195
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		490.825.405	310.225.405
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.723.334.952	5.311.452.227
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.443.326.979	284.560.080.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hòa Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	198.952.877.326	190.413.999.384
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	198.952.877.326	190.413.999.384
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	167.398.945.203	166.466.013.510
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.553.932.123	23.947.985.874
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	96.076.427	60.281.754
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	15.572.938.932	11.474.581.188
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.415.579.069	11.474.581.188
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.567.976.182	8.166.186.355
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.509.093.436	4.367.500.085
11.	Thu nhập khác	31		27.272.727	2.902.299.783
12.	Chi phí khác	32		-	1.199.568.752
13.	Lợi nhuận khác	40		27.272.727	1.702.731.031
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.536.366.163	6.070.231.116
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	817.045.770	758.778.889
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.719.320.393	5.311.452.227
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11	1.933	2.091

Hòa Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		234.555.814.584	178.595.850.695
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(164.415.648.449)	(143.596.397.430)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.889.675.862)	(28.420.490.550)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(15.363.881.234)	(11.237.539.463)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(1.033.778.889)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.694.836.118	1.703.945.772
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.013.608.905)	(8.513.560.619)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.534.057.363	(11.468.191.595)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.220.892.717)	(8.086.872.255)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.251.000.000	1.479.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.076.427	60.281.754
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.873.816.290)	(6.547.590.501)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		190.545.258.136	160.509.304.754
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(189.336.412.251)	(161.946.915.324)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.340.000)	(880.350.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.188.505.885	(2.317.960.570)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.848.746.958	(20.333.742.666)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.848.618.345	24.182.361.011
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		13.697.365.303	3.848.618.345

Hòa Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, cao lanh;
- Sản xuất gạch nung, ngói, vôi;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng vữa;
- Sản xuất cấu kiện thép cho xây dựng và các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải đặc biệt;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư và kinh doanh đường giao thông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
- Thiết bị sản xuất:	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	4 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là lợi thế kinh doanh phát sinh khi chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 14/11/2004, chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 06/02/2007, do vậy, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	177.253.031	111.894.129
- Tiền gửi ngân hàng	13.520.112.272	3.736.724.216
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	13.697.365.303	3.848.618.345

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	5.888.569.065	5.930.523.237
+ Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	1.986.799.786	1.580.421.207
+ Các đội, xí nghiệp	3.556.830.208	3.589.684.030
+ Các đối tượng khác	344.939.071	760.418.000
Cộng	5.888.569.065	5.930.523.237

03. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	13.627.970.748	21.041.061.728
- Công cụ, dụng cụ	76.721.455	76.721.455
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.081.688.266	94.066.969.908
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	123.786.380.469	115.184.753.091

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.724.492.391	62.718.562.627	29.575.490.446	1.104.180.913	95.122.726.377
- Mua trong năm	-	4.548.910.899	1.514.945.455	157.036.363	6.220.892.717
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(158.500.000)	-	-	(158.500.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.724.492.391	67.108.973.526	31.090.435.901	1.261.217.276	101.185.119.094
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	574.830.792	38.484.683.721	17.419.138.160	919.686.303	57.398.338.976
- Khấu hao trong năm	119.277.381	5.546.265.975	2.964.011.724	97.589.152	8.727.144.232
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(158.500.000)	-	-	(158.500.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	694.108.173	43.872.449.696	20.383.149.884	1.017.275.455	65.966.983.208
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.149.661.599	24.233.878.906	12.156.352.286	184.494.610	37.724.387.401
2. Tại ngày cuối năm	1.030.384.218	23.236.523.830	10.707.286.017	243.941.821	35.218.135.886

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế kinh doanh	531.596.150	616.651.534
Cộng	531.596.150	616.651.534

06. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>113.732.229.210</i>	<i>106.279.093.640</i>
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hòa Bình	113.732.229.210	106.279.093.640
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	113.732.229.210	106.279.093.640

07. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	8.980.666.192	10.177.451.840
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.332.725	752.065.844
- Thuế thu nhập cá nhân	2.034.157	-
Cộng	9.518.033.074	10.929.517.684

08. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay phải trả	70.877.350	305.799.621
Cộng	70.877.350	305.799.621

09. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	172.272.465	172.272.465
- Kinh phí công đoàn	322.795.515	200.889.443
- Bảo hiểm xã hội	165.339.052	35.059.986
- Bảo hiểm y tế	77.471.509	76.260.201
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.995.819	3.029.697
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.577.674.455	14.740.786.941
+ <i>Tổng công ty xây dựng Trường Sơn</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>7.270.000</i>	<i>27.610.000</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.570.404.455</i>	<i>7.713.176.941</i>
Cộng	16.318.548.815	15.228.298.733

10. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vay dài hạn</i>	<i>14.285.286.380</i>	<i>20.529.576.065</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hòa Bình	11.684.346.914	16.510.849.475
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân	1.897.238.920	-
- Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	703.700.546	4.018.726.590
- <i>Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	14.285.286.380	20.529.576.065

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	22.605.400.000	1.141.610.037	159.825.405	5.014.765.791	28.921.601.233
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.311.452.227	5.311.452.227
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm 2008	2.801.040.000	1.002.953.158	150.400.000	(5.014.765.791)	(1.060.372.633)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	25.406.440.000	2.144.563.195	310.225.405	5.311.452.227	33.172.680.827
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	5.719.320.393	5.719.320.393
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm 2009	4.186.700.000	759.537.668	180.600.000	(5.307.437.668)	(180.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	29.593.140.000	2.904.100.863	490.825.405	5.723.334.952	38.711.401.220

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	15.635.690.000	13.422.350.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	13.957.450.000	11.984.090.000
Cộng	29.593.140.000	25.406.440.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.406.440.000	22.605.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	4.186.700.000	2.801.040.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.593.140.000	25.406.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.186.700.000	3.711.012.633

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.959.314	2.540.644
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.959.314	2.540.644
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.959.314</i>	<i>2.540.644</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.959.314	2.540.644
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.959.314</i>	<i>2.540.644</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.904.100.863	2.144.563.195
- Quỹ dự phòng tài chính	490.825.405	310.225.405
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	3.394.926.268	2.454.788.600

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.719.320.393	5.311.452.227
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	5.719.320.393	5.311.452.227
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.959.314	2.540.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.933	2.091

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng (*)	5.242.199.527	88.769.528
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.545.454	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	193.596.132.345	190.325.229.856
Cộng	198.952.877.326	190.413.999.384

(*) Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng hóa	5.242.199.527
+ Doanh thu bán thành phẩm	-
Cộng	5.242.199.527

02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	198.952.877.326	190.413.999.384
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Cộng	198.952.877.326	190.413.999.384

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.242.199.527	88.769.528
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	162.042.200.222	166.377.243.982
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	114.545.454	-
Cộng	167.398.945.203	166.466.013.510

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.076.427	60.281.754
Cộng	96.076.427	60.281.754

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	15.415.579.069	11.474.581.188
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	157.359.863	-
Cộng	15.572.938.932	11.474.581.188

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	817.045.770	758.778.889
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	817.045.770	758.778.889

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.285.422.748	100.918.803.583
- Chi phí nhân công	27.889.675.862	26.219.718.939
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.727.144.232	9.172.804.323
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.495.465.000	18.911.987.748
- Chi phí khác bằng tiền	10.341.732.374	23.249.565.183
Cộng	187.739.440.216	178.472.879.776

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan:**

1.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Công ty mẹ (tỷ lệ vốn góp 52,8%)

1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền (VND)
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Doanh thu xây lắp	64.525.447.214
	Trả nợ vay dài hạn	3.315.026.044

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1.3 Tại ngày 31/12/2010, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Phải thu khách hàng	19.161.706.653
	Phải thu khác	1.986.799.786
	Người mua trả tiền trước	20.442.986.248
	Vay dài hạn	703.700.546
	Phải trả khác	7.000.000.000

02. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), trong đó, chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được trình bày lại trong phần “Nợ phải trả” thay vì trình bày trong phần “Vốn chủ sở hữu” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hòa Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Đinh Ngọc Kiên****Trịnh Văn Hải****Nguyễn Mạnh Toàn**